

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
Năm báo cáo: 2021

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100689 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/8/2019.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 38642793
- Số fax: 04 38642792
- Website: thanmienbac.vn
- Mã cổ phiếu: TMB
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là : Tổng công ty quản lý và phân phối than được thành lập theo quyết định số 1878/QĐ-TCCB ngày 19/ 12/ 1974 của Bộ Điện và than, làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về mặt hàng than và phân phối tiêu thụ than theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước cho các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Đến năm 1988, mặt hàng than không còn thuộc diện vật tư do Nhà nước phân phối mà chuyển sang phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường theo định hướng XHCN vì vậy Tổng công ty quản lý và phân phối than được đổi thành Công ty Kinh doanh và Chế biến than Việt nam.

Ngày 04/3/1995 Bộ Năng Lượng đã ra quyết định số 140/NL-TCCB-LĐ đổi tên Công ty kinh doanh và chế biến than Việt nam thuộc Bộ Năng lượng thành Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc trực thuộc Tổng công ty than Việt Nam kể từ ngày 01/4/1995.

Đến ngày 17/9/2003 Chính phủ đã có quyết định số 194/2003/QĐ-TTg chuyển

Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thuộc Tổng công ty than Việt Nam nay là Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Ngày 28/12/2005 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 4234/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Chế biến và kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 02/1/2007.

Tên gọi, địa chỉ của Công ty:

Tên gọi: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Tên giao dịch quốc tế: : Northern Coal Trading Joint stock Company

Tên giao dịch quốc tế viết tắt: VNCT

Địa chỉ: Số 5 , Phố Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 8642793

- Fax: 04 8642792

- Các sự kiện khác:

Ngày 29/12/2016 Công ty chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu TMB theo quyết định số 897/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu than các loại.

- Địa bàn kinh doanh:

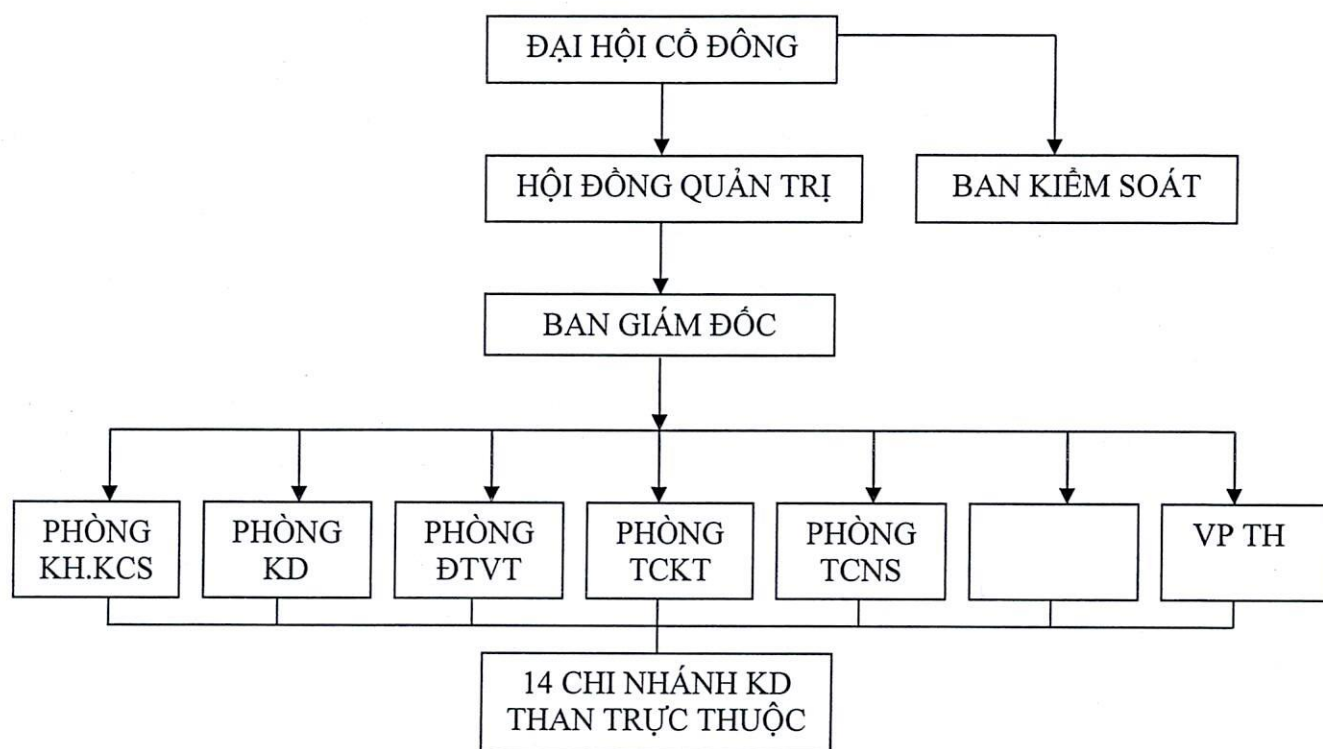
Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam(Tập đoàn TKV), là một mắt xích nằm trong dây chuyền sản xuất, chế biến và tiêu thụ than của Tập đoàn TKV.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là bán than tại địa bàn các tỉnh phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông được quy định cụ thể trong Điều lệ của Công ty.



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Danh sách HĐQT hiện hành:

Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT

Ngô Quang Trung – Ủy viên, kiêm Tổng Giám đốc.

Nguyễn Minh Hải – Ủy viên

Vũ Hữu Long – Ủy viên

Nguyễn Anh Chung - Ủy viên

* Danh sách Ban kiểm soát hiện hành:

Đặng Thị Hải Hà– Trưởng ban

Cao Thị Nhung – uỷ viên

Bùi Thị Phương Thảo– uỷ viên

* Danh sách Ban Giám đốc hiện hành:

Ngô Quang Trung– Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hào – Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Toán – Phó Tổng Giám đốc

* Các phòng tham mưu:

Phòng Tổ chức nhân sự:

Phòng Đầu tư và vật tư:

Phòng Kế hoạch KCS:

Phòng Kinh doanh

Phòng Tài chính kế toán:

Văn phòng Tổng hợp:

* Các chi nhánh kinh doanh than hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh gồm 14 đơn vị:

- Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tại Quảng

Ninh:

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng ninh

- Công ty kinh doanh than Hải phòng

Địa chỉ: 39 đường Trần Phú, Thành phố Hải phòng.

- Công ty doanh than Hà nội

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, Thanh xuân, Hà nội

- Công ty doanh than Hà Bắc

Địa chỉ: Khu I Thị câu, Thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc ninh

- Công ty kinh doanh than Bắc Thái

Địa chỉ: Phường Tân Long, Thành phố Thái nguyên

- Công ty kinh doanh than Vĩnh Phú

Địa chỉ: Phường Thanh Miếu, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú thọ

- Công ty kinh doanh than Hà Nam Ninh

Địa chỉ: Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định

- Công ty kinh doanh than Thanh Hoá

Địa chỉ: Phường Ngọc trạo, Thành phố Thanh hoá

- Công ty kinh doanh than Nghệ tĩnh

Địa chỉ: 124 đường Trần Hưng đạo, Thành phố Vinh

- Xí nghiệp kinh doanh than Cầu đuông.

Địa chỉ: Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội

- Công ty kinh doanh than Ninh Bình

Địa chỉ: 70 Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình.

- Phân xưởng tuyển và chế biến than Kinh Môn

Địa chỉ: Thôn Ngư Uyên, Long Xuyên, Kinh Môn, Hải Dương.

- Phân xưởng chế biến và kinh doanh than Tiền Hải

Địa chỉ: Cánh đồng Nhị Đoạn, Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Trạm Chế biến và kinh doanh than Kim Thành

Địa chỉ: Khu Phụ Sơn, Phường An Lưu, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có các công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tối đa lợi nhuận cho các cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông; ổn định việc làm, nâng cao đời sống của người lao động góp phần ổn định trật tự xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục đầu tư kho bãi, nguồn nhân lực và hệ thống quản trị nhằm xây dựng mạng lưới phân phối than rộng khắp Miền Bắc để trở thành kênh phân phối than lớn và có uy tín của Tập đoàn TKV.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Phải xây dựng được mối quan hệ gắn bó với các cơ quan chức năng và cộng đồng dân cư của địa phương, đồng hành cùng với địa phương trong quá trình phát triển và bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Nguồn than nhập khẩu và nguồn than trôi nổi có giá thấp hơn giá thị trường trong nước của TKV, tuy có sản lượng không ổn định, nhưng có xu hướng giá ngày rẻ sẽ chiếm lĩnh khách hàng của Công ty.

- Một số khách hàng sử dụng than có xu hướng dần chuyển sang sử dụng ga, khí đốt như sản xuất đạm, gạch.

- Một số kho bãi hiện tại gần khu dân cư, trong tương lai gần phải di chuyển ra xa các khu dân cư để tránh ô nhiễm bụi than.

- Do các kho bãi đa số gần sông, do đó có nguy cơ bị lũ lụt đe dọa.

- Vốn điều lệ thấp so với quy mô kinh doanh, do đó phải sử dụng vốn vay, dẫn đến tăng rủi ro về vốn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

Năm 2021 là một năm có nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành than nói chung, nhưng cũng là một năm khó khăn, thách thức của TMB do nhu cầu sử dụng than của các hộ sản xuất điện, sản xuất xi măng và các hộ sử dụng than chất lượng cao tăng đột biến, giá than nhập khẩu luôn ở mức cao so với giá than trong nước, mặt dù TKV cũng đã có nhiều giải pháp chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh sản lượng khai thác, chế biến để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, lượng than tồn kho của TKV đã giảm về mức an toàn. Tuy nhiên, do sản xuất chưa đáp ứng kịp với nhu cầu của thị trường nên các đơn vị kinh doanh than trong đó có than Miền Bắc không có đủ nguồn than để pha trộn chế biến và cung cấp cho khách hàng truyền thống, dẫn đến một số nhà máy phải ngừng hoạt động hoặc chuyển sang mua than của một số đơn vị khác ngoài than Miền Bắc. Một số khách hàng truyền thống gần bó nhiều năm gặp nhiều khó khăn, thiệt hại khi không có đủ than phục vụ cho sản xuất từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD cũng như việc làm và thu nhập của một số đơn vị, hơn thế than Miền Bắc dần mất thị phần trên địa bàn được phân công.

Một số đơn vị trực thuộc TMB tiếp tục được TKV giao nhiệm vụ chế biến, pha trộn than giao lại TKV để bán cho các hộ lớn. Tuy nhiên do nguồn than do TKV sản xuất trong nước chưa đáp ứng kịp nhu cầu đưa về chế biến, pha trộn, cũng như việc TKV điều chỉnh tăng giá bán một số chủng loại than có chất lượng cao phù hợp dùng để chế biến, pha trộn do đó sản lượng than pha trộn, chế biến giao lại TKV đôi khi chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Trước những khó khăn và thách thức do thiếu hụt nguồn than, để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường tiêu thụ than hiện có của than Miền Bắc. Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung triển khai nhiều giải pháp đồng bộ và kịp thời để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh với TKV, an toàn về tài chính và ổn định thu nhập cho người lao động.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2021

| TT | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH 2020 | KH 2021 | TH 2021 | Tỷ lệ (%) so với KH | Tỷ lệ (%) so với năm 2020 |
|----|-----------------------------|----------------|------------|------------|------------|---------------------------------|---------------------------------------|
| | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | Sản phẩm chủ yếu | | | | | | |
| 1 | Than mua | 1000 Tấn | 6.870 | | 5.858 | | 85% |
| 2 | Than bán | 1000 Tấn | 6.193 | 6.000 | 6.585 | 110% | 106% |
| | - Bán các hộ lẻ | 1000 Tấn | 1.437 | 2.000 | 2.039 | 102% | 142% |
| | - Bán cho các hộ lớn và TKV | 1000 Tấn | 4.756 | 4.000 | 4.546 | 114% | 96% |
| | Doanh thu | Tr. Đồng | 10.990.285 | 10.552.792 | 11.028.902 | 105% | 100% |
| | Giá trị sản xuất | Tr. Đồng | 430.269 | 365.000 | 361.764 | 99% | 84% |
| | Lợi nhuận | Tr. Đồng | 83.704 | 54.000 | 78.136 | 145% | 93% |
| | Tiền lương bình quân | Tr. đồng | 11,970 | 11,970 | 12,390 | 103% | 103% |
| | Cổ tức | % | 10 | 10 | 10 | 100% | 100% |
| | | | | | | | |

* Nhận xét đánh giá chung thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung năm 2021 Công ty đều hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nguyên nhân là do:

*** Công tác nhập mua than và điều hành tiêu thụ than:**

- Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc những quy định, chỉ đạo của TKV trong việc thực hiện các hoạt động kinh doanh than. Bám sát kế hoạch điều hành tiêu thụ hàng tháng, đẩy mạnh công tác pha trộn than giao lại TKV và than nhập về chế biến để bán khách hàng tự doanh.

- Trong năm 2021, ở một số thời điểm các nhà máy nhiệt điện đều giảm sản lượng nhận than của TKV do EVN huy động phát điện từ các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và ảnh hưởng của giãn cách xã hội tại các tỉnh, thành miền Nam khi dịch Covid-19 bùng phát dẫn đến sản lượng tiêu thụ than pha trộn của TKV nói chung và TMB nói riêng đều giảm so với kế hoạch mục tiêu đặt ra.

- Một số chủng loại than TCVN và TCCS để chế biến và bán cho các khách hàng tự doanh mà TMB đã ký hợp đồng từ năm 2020 như cám 1, cám 2 (TTCÔ), cám 7, cám 8 không được TKV giao kế hoạch hoặc cắt giảm kế hoạch so với dự kiến nên làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ than tự doanh, tuy nhiên những tháng cuối năm các đơn vị đã chủ động và linh hoạt trong điều hành đảm bảo than tự doanh trên địa bàn được phân công.

*** Công tác pha trộn, chế biến than:**

- Tranh thủ nguồn than nhập khẩu sẵn có trên kho nên ngay từ đầu năm 2021 Công ty đã chủ động triển khai công tác pha trộn, điều tiết linh hoạt nguồn than nhập khẩu giữa các điểm pha trộn nhằm đáp ứng kế hoạch điều hành của TKV đảm bảo đủ nguồn cung cấp than pha trộn cho các hộ Điện, Đạm, Xi măng.

- Rút kinh nghiệm từ những năm trước, các đơn vị đã tập trung nghiên cứu và xây dựng phương án pha trộn hợp lý, bám sát quy định TKV về hướng dẫn mua bán than pha trộn năm 2021 tránh để xảy ra việc hiệu quả kinh doanh của phương án pha trộn, chế biến không đảm bảo GTSX và lợi nhuận, các bộ phận nghiệp vụ của TMB chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu bám sát hướng dẫn của TKV để triển khai theo đúng quy định, đảm bảo hiệu quả chung của TMB và kịp thời đề xuất TKV xem xét điều chỉnh tháo gỡ những điểm chưa phù hợp. Tuy nhiên ở một số thời điểm do nguồn than đưa vào pha trộn chưa được đáp ứng đủ theo phương án kỹ thuật, các đơn vị đã phải tổ chức sản xuất qua các phương án trung gian nên hiệu quả chưa cao, cá biệt có đơn vị còn để xảy ra tình trạng khách hàng có ý kiến về chất lượng than pha trộn không đồng đều.

- Về cơ sở hạ tầng và công nghệ chế biến pha trộn than: Hiện nay mặc dù đã có sự đầu tư bước đầu, nhưng nhìn chung các kho bãi vẫn còn sử dụng công nghệ pha trộn chế biến và cơ sở hạ tầng chưa được đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của TKV. Năm 2022 các đơn vị cần tiếp tục hiện đại hóa công nghệ, nghiên cứu đưa vào thực hiện sơ đồ công nghệ chế biến, pha trộn phù hợp tại các điểm pha trộn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng than chế biến, pha trộn, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

*** Thực hiện giao nhận than hộ lớn:**

Năm 2021, công tác dịch vụ giao nhận than cho khách hàng do TKV ký hợp đồng được các đơn vị trực thuộc duy trì tốt; bố trí bộ máy và phân công thực hiện nhiệm vụ hợp lý; bám sát chỉ đạo và kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV; Chủ động trao đổi với khách hàng và đơn vị vận tải, bám sát tình hình thanh toán tiền than của khách hàng; thực hiện giao nhận, đối chiếu công nợ và thanh toán theo đúng quy định của TKV và hợp đồng với khách hàng, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh cũng như khối lượng than tồn kho của khách hàng, tham mưu kịp thời về các phòng nghiệp vụ Công ty trong công tác giao nhận than của TKV nói chung và TMB nói riêng.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

Ngô Quang Trung, Tổng Giám đốc từ 01/6/2018 đến nay

Phạm Văn Hảo, Phó Tổng Giám đốc từ 01/12/2019 đến nay

Nguyễn Minh Hải, Phó Tổng Giám đốc từ 01/4/2017 đến nay

Nguyễn Anh Toán, Phó Tổng giám đốc từ 01/4/2018 đến nay

Nguyễn Đức Vinh, Kế toán trưởng từ 01/4/2018 đến nay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. Họ và tên khai sinh: **NGÔ QUANG TRUNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 03 tháng 10 năm 1971
4. Nơi sinh: Hạ Long, Quảng Ninh
5. Quê quán: xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 10, Khu 5, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số 100622246; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp: 29/6/2007
8. Điện thoại liên hệ: 0913266569
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế và Quản trị doanh nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------------------|--|------------------------|
| 9/1995-12/1999 | Chi nhánh Công ty CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh | Nhân viên Kế hoạch |
| 01/2000-2/2001 | Phòng Kế hoạch Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc | Chuyên viên |
| 03/2001-7/2003 | Phòng Kế hoạch Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc | Phó trưởng phòng |
| 08/2003-01/2004 | Phòng đại diện Công ty CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh | Phó văn phòng đại diện |
| 01/2004-10/2004 | Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CB&KD than Miền Bắc kiêm Phó văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh | Phó trưởng phòng |
| 09/2004-12/2006 | Trạm CB&KD than Hòn Gai Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc | Trạm trưởng |
| 01/2007-12/2007 | Trạm CB&KD than Hòn Gai Công ty KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc | Trạm trưởng |

| | | |
|---------------------------|--|-------------------------------|
| 01/2008- 12/2008 | Phòng Thương Mại Công ty KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc | Trưởng phòng |
| 01/2009- 04/2009 | Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc | Phó giám đốc |
| 05/2009- 01/2015 | Công ty KD than Hải Phòng- Công ty CPKD than Miền Bắc | Giám đốc |
| 02/2015- 15/10/2015 | Công ty CPKD than Miền Bắc Công ty KD than Hải Phòng | Phó tổng giám đốc Giám đốc |
| 16/10/2015 – 31/5/2018 | Ban Kinh doanh than – Tập đoàn TKV | Phó trưởng ban |
| 01/6/2018- | Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin | Tổng giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.582 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,024% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **PHẠM VĂN HẢO**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 12 tháng 4 năm 1966
4. Nơi sinh: xã An Hoà, Huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Phòng .
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3 – Khu 6B - P. Hồng Hải, TP Hạ Long, T. Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số 031066006070; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 10/10/2019.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0903.461.088.
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể) |
|------------------------------|--|
| 11/1988-10/1993 | Công nhân giao nhận than Trạm quản lý thu mua và cung ứng than Cẩm Phả thuộc Công ty quản lý thu mua và cung ứng than Quảng Ninh |
| 11/1993-12/1995 | Phó trạm trưởng Trạm quản lý thu mua và cung ứng than Cẩm Phả thuộc Công ty quản lý thu mua và cung ứng than Quảng Ninh |
| 01/1996-12/1996 | Trạm trưởng Trạm quản lý thu mua và cung ứng than Cẩm Phả thuộc Công ty quản lý thu mua và cung ứng than Quảng Ninh |
| 01/1997-5/1999 | Phó trạm trưởng trạm CB & KD than Cẩm Phả thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh |
| 6/1999 – 12/1999 | Trạm trưởng trạm CB & KD than Cẩm Phả thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh |
| 01/2000 – 3/2000 | Phó trạm trưởng trạm CB & KD than Cẩm Phả thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh |
| 4/2002 – 12/2003 | Trạm trưởng trạm CB & KD than Mông Dương thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh |
| 01/2004 – 9/2004 | Trạm trưởng trạm CB & KD than Cửa Ông thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh nay là Công ty kinh doanh than Quảng Ninh |

| | |
|------------------------|---|
| 10/2004 -12/2005 | Trạm trưởng trạm CB & KD than Cửa Công thuộc Công ty kinh doanh than Quảng Ninh |
| 5/2010 – 12/2013 | Phó Giám đốc Công ty kinh doanh than Quảng Ninh |
| 01/2014 -10/2015 | Phó Giám đốc Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV |
| 16/10/2015- 11/2019 | Giám đốc Công ty kinh doanh than Hải Phòng – CN Cty CPKD than Miền Bắc- Vinacomin |
| 01/12/2019- nay | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 4.060 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,027% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN MINH HẢI**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 13/01/1972
4. Nơi sinh: Hải Phòng
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 304, Ngõ 6A, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân số 013055437; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp: 19/03/2008.
8. Điện thoại liên hệ: 0913.283361
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế, Cử nhân Tài chính kế toán.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--|--|--|
| 9/1993-9/1995 | Làm việc tự do | |
| 9/1995-5/1999 | Mỏ than Bảo Đài - Công ty than Uông Bí | Nhân viên kế toán, phó trưởng phòng kế toán. |
| 5/1999-5/2000 | Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc | Nhân viên kế toán |
| 5/2000-6/2002 | Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc | Phó trưởng phòng |
| 7/2002-12/2006 | Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc | Kế toán trưởng |
| 01/2007-4/2016 | Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin | Kế toán trưởng, ủy viên HĐQT |

| | | |
|----------------|---|------------------------------------|
| 4/2016- nay | Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin | Phó tổng giám đốc, ủy viên HĐQT |
|----------------|---|------------------------------------|

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 12.372 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,082 % Vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan:

+ Vợ: Ngô Thị Kim Dung: 7.608 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% Vốn điều lệ.

+ Em ruột: Nguyễn Thị Thu Hà: 1.434 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁ NHÂN

1. Họ và tên khai sinh: **NGUYỄN ANH TOÁN**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 16 tháng 4 năm 1975
4. Nơi sinh: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
5. Quê quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 469B, Lê Hoàn, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7. Chứng minh thư nhân dân số 171268999; Nơi cấp: CA Thanh Hóa; Ngày cấp: 12/12/2012
8. Điện thoại liên hệ: 0902038888
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

| Từ tháng, năm đến tháng năm | Đơn vị | Chức vụ |
|------------------------------------|--|-------------------------------|
| 01/1993 - 03/1994 | Ban chế biến than Công ty Cung ứng Than Thanh Hóa | Nhân viên |
| 04/1994 - 12/2001 | Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty CB & KD Than Thanh Hóa | Nhân viên |
| 1/2002 - 06/2002 | Phòng KHKD - Phụ trách cửa hàng giao than theo hợp đồng Công ty CB & KD Than Thanh Hóa | Phó trưởng phòng |
| 07/2002 - 12/2003 | CH Hoàng Mai Công ty CB & KD Than Thanh Hóa | Phó trạm trưởng, phụ trách CH |
| 01/2004 - 03/2008 | Trạm than Hàm Rồng Công ty CB & KD Than Thanh Hóa | Phó trạm trưởng |
| 04/2008 - 03/2010 | Trạm KD Than Lễ Môn 2 Công ty KD Than Thanh Hóa | Trạm trưởng |
| 04/2010 - | Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty KD | Trưởng phòng |

| | | |
|----------------------|-----------------------------------|---|
| 03/2011 | Than Thanh Hóa | |
| 04/2011 - 03/2013 | Công ty KD Than Thanh Hóa | Phó giám đốc kiêm trưởng Trưởng phòng KHKD |
| 04/2013 - 12/2013 | Công ty KD Than Thanh Hóa | Phó giám đốc |
| 01/2014 - 11/2014 | Công ty Kinh doanh Than Thanh Hóa | Quyền giám đốc |
| 12/2014 – 3/2018 | Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa | Giám đốc |
| 4/2018- nay | Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa | Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 5.376 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,036% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 19/09/1987
4. Nơi sinh: Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 235 Mạc Thị Bưởi, Quang Trung, TP Nam Định, Nam Định.
7. Chứng minh thư nhân dân số 036087012631; Nơi cấp: cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 21/4/2021.
8. Điện thoại liên hệ: 0915.246129
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|--|-------------------------------|
| 8/2009 - 9/2015 | Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc | Chuyên viên |
| 9/2015 - 4/2016 | Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc | Phó trưởng phòng |
| 4/2016 - 8/2016 | Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc | Phó trưởng phòng phụ trách |
| 8/2016- 3/2018 | Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc | Trưởng phòng |
| 01/4/2018 | Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc | Kế toán trưởng |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo hướng dẫn của TKV; Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý quỹ thi đua khen thưởng trong toàn Công ty.

Lao động có mặt theo danh sách:

Lao động đầu kỳ 01/01/2021: 665 người

Lao động cuối kỳ 31/12/2021: 638 người

Lao động đã tiết giảm: 0 người

Thu nhập tiền lương bình quân toàn Công ty 12.909.664 đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Kế hoạch đầu tư năm 2021 được thực hiện theo nội dung văn bản số 6317/TKV-ĐT ngày 31/12/2020 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2021 và văn bản bổ sung số 4810/TKV-ĐT ngày 08/10/2021 của TKV v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2021 điều chỉnh – Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin; Quyết định số 1088/QĐ-TMB ngày 14/10/2021 của HĐQT Công ty v/v phê duyệt KHĐT năm 2021 điều chỉnh (theo nội dung văn bản số 4810/TKV-ĐT ngày 08/10/2021 của TKV v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2021 điều chỉnh – Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin)

Công tác thực hiện KHĐT năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Danh mục đầu tư | Nguồn vốn theo KHĐT 2021 lần 1 | | KHĐT năm 2021 điều chỉnh lần cuối | Thực hiện năm 2021 (Đã giải ngân bao gồm VAT) | Tỷ lệ % (Thực hiện so với kế hoạch) |
|---------------------------------|--------------------------------|----------------|-----------------------------------|---|-------------------------------------|
| | Vốn chủ sở hữu | Vay thương mại | | | |
| Kế hoạch đầu tư năm 2021 | 23.946 | 0 | 9.923 | 6.903 | 70 % |
| Công trình chuyển tiếp | 2.796 | 0 | 2.823 | 2.109 | 75 % |
| Công trình khởi công mới | 0 | 0 | 7.100 | 4.794 | 68 % |
| Chuẩn bị dự án | 2.780 | 0 | | | |
| Dự phòng | 18.370 | 0 | | | |

- Kế hoạch cả năm 2021 được TKV thông qua gồm: 11 công trình, trong đó: 02 công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020 và 09 công trình khởi công mới.

- Công trình chuyển tiếp:

+ Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.

+ Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin

- Công trình khởi công mới:

+ Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc Xí nghiệp KD than Cầu Đuống;

+ Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc của Công ty KD than Vĩnh Phú;

+ Cải tạo, nâng cấp mố cảng và trạm biến áp tại kho Như Nguyệt - Công ty KD than Hà Bắc;

+ Nâng cấp nền kho và lắp đặt hệ thống phun sương tại Đa Phúc - Công ty KD than Bắc Thái;

+ Cải tạo, nâng cấp nền kho than Cổ Loa thuộc Trạm KD than Giáp Nhị - Công ty KD than Hà Nội;

+ Nâng cấp hệ thống văn phòng điện tử (Portal) Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;

+ Nâng cấp trang website (thanmienbac.vn) của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;

+ Trang bị điều hòa tại các phòng làm việc, cửa hàng phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp kinh doanh than Cầu Đuống;

+ Mua máy photocopy cho các đơn vị trực thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc

– Vinacomin.

Đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán vốn đầu tư hoàn thành 04 công trình:

+ Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin.

+ Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc của Công ty KD than Vĩnh Phú;

+ Cải tạo, nâng cấp nền kho than Cổ Loa thuộc Trạm KD than Giáp Nhị - Công ty KD than Hà Nội;

+ Mua máy photocopy phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty KD than Nghệ Tĩnh

Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin thực hiện đầu tư năm 2021 dựa trên các cơ sở sau:

- Kế hoạch đầu tư năm 2021 và KHĐT 2021 điều chỉnh của Hội đồng quản trị Công ty.

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đầu tư/Báo cáo KTKT của Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu (Mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu,...), thực hiện các giai đoạn của quá trình đầu tư do Phòng Đầu tư và Vật tư phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc có dự án/công trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu.

- Các hồ sơ, tài liệu do nhà thầu cung cấp như nhật ký công trình, bản vẽ hoàn công....

- Quyết toán công trình được kiểm toán độc lập thẩm tra trước khi phê duyệt.

Toàn bộ hồ sơ đầu tư của Công ty CP KD than Miền Bắc đều trên cơ sở văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài chính, bảo vệ môi trường và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin ban hành theo Quyết định số 184/QĐ-TMB ngày 31/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i> | Năm/Year 2020 | Năm/Year 2021 | % tăng giảm/ % change |
|---|---------------|---------------|-----------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit</i> | | | |

| | | | |
|---|--------------------|--------------------|------|
| <i>institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | 2.569.776.332.983 | 1.010.851.070.950 | 39% |
| Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> | 10.990.284.871.577 | 11.028.902.229.337 | 100% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i> | 53.822.295.324 | 78.311.638.381 | 146% |
| Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> | 20.797.696.259 | (175.353.902) | 0% |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> | 74.619.991.583 | 78.136.284.479 | 105% |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i> | 50.388.254.075 | 61.126.147.115 | 121% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> | 10% | 10% | 100% |
| * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | | | |
| Doanh thu/ <i>Revenue</i> | | | |
| Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i> | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i> | | | |

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

| Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i> | Năm/Year 2020 | Năm/Year 2021 | Ghi chú/ <i>Note</i> |
|--|------------------|------------------|----------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term</i> | 1,07 | 1,26 | |

| | | | |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|--|
| <i>debt)</i> + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt | 0,14 | 0,22 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>) | 0,90 12,74 | 0,72 3,74 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>) | 4,78 4,28 | 9,79 10,91 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>) | 0,46% 25,97% 1,96% 0,49% | 0,55% 33,58% 6,05% 0,71% | |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

| Chỉ tiêu/ <i>Figures</i> | Năm/ <i>Year</i> X-1 | Năm/ <i>Year</i> X | Ghi chú/ <i>Note</i> |
|--|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i> | | | |
| - Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i> | | | |
| - Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i> | | | |
| - Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i> | | | |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i> | | | |
| - Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i> | | | |
| - Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i> | | | |
| - Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i> | | | |
| - Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i> | | | |
| - Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i> | | | |
| - Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i> | | | |
| - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>) | | | |
| - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>) | | | |
| - Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>) | | | |
| 3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i> | | | |
| - Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i> | | | |
| - Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i> | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có

chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

- Cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam: 67,44%

- Cổ đông cá nhân trong nước: 32,56%

- Cổ đông nước ngoài: Không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

- Công ty hiện tại không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

- Công ty hiện tại không có các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than trên địa bàn các tỉnh phía Bắc, các kho than hầu hết là nhỏ, có sức chứa trung bình 5.000 tấn, nằm rải rác chủ yếu gần các bến sông, xa khu dân cư nên tác động môi trường chủ yếu là bụi bay vào không khí không lớn.

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, số lượng người ở các chi nhánh tại các Tỉnh nhỏ hơn 90 người, nằm rải rác, nên tác động xã hội không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, không tiến hành sản xuất, sản phẩm không phải đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Công ty không có nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên mức tiêu thụ năng lượng thấp, tổng mức điện tiêu thụ trong năm vào khoảng 1.100.000KW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Công ty không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Công ty không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên lượng nước chủ yếu dùng cho sinh hoạt, tiêu thụ ít. Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu là nước máy, lượng tiêu thụ trong năm khoảng 5.000m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Công ty không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động 638 người.

- Tiền lương bình quân: 12.909.664 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Người lao động hàng năm được khám sức khỏe định kỳ một lần.

- Những lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của luật lao động.

- Người lao động được cấp đồng phục.

- Hàng năm người lao động được đi nghỉ mát, du lịch một lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Hàng năm Công ty cử lao động đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ theo chương trình của Tập đoàn TKV tổ chức, mỗi năm trung bình khoảng 6 khóa, mỗi khóa 3 ngày, mỗi khóa cử đi 3 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty chưa có chương trình này, người lao động tự học tập là chính.

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Năm 2021, TMB nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo TKV, sự giúp đỡ và phối hợp của các ban chuyên môn TKV trong các giải pháp điều hành, nên đã chủ động triển khai sớm các nhiệm vụ kế hoạch PHKD năm 2021 được TKV giao ngay từ đầu năm. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của TMB năm 2021 có một số thuận lợi như: (i) giá các loại than nhiệt trên thế giới giao dịch đều ở mức cao hơn nhiều so với thời điểm tháng 3,4/2020 và so với giá than nhập khẩu tồn trên kho của TMB; (ii) khối lượng hơn 800.000 tấn than nhập khẩu trên kho từ năm 2020 chuyển sang TMB vừa cân đối nguồn than nhập khẩu trong nội bộ TMB để đảm bảo tỷ lệ pha trộn theo kế hoạch điều hành năm 2021 của TKV vừa chia sẻ một phần nguồn than nhập khẩu cho các đơn vị trong nội bộ TKV để đảm bảo tỷ lệ than nhập khẩu đưa vào pha trộn. Bên cạnh những mặt thuận lợi vẫn còn một số khó khăn như thị trường than trong nước vẫn có một số lượng lớn các nguồn than trôi nổi có giá thấp hơn giá than của TKV, các nguồn than trôi nổi này cộng với khối lượng than nhập khẩu giá tốt còn tồn kho trong nước nên ở thời điểm những tháng đầu năm nhiều khách hàng của TMB không sẵn sàng ký kết hợp đồng mua than hoặc đồng ý ký hợp đồng với khối lượng thấp hơn nhu cầu sử dụng thực tế.

Mặt khác, do tác động của đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 kéo dài, có diễn

biến phức tạp, nguy hiểm và gây ảnh hưởng nặng nề đến các ngành sản xuất, dịch vụ cũng như đời sống xã hội trên phạm vi cả nước... làm cho chuỗi cung ứng bị đứt gãy, thị trường tiêu thụ than biến động không ổn định.

Tuy nhiên, nhìn lại một năm đầy khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tác động nặng nề đến sản xuất kinh doanh, Ngành than nói chung và TMB nói riêng đã từng bước vượt qua những khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu kép “Phòng chống dịch và sản xuất kinh doanh hiệu quả trong tình hình mới”, với các giải pháp điều hành đồng bộ linh hoạt của Ban lãnh đạo và bộ máy điều hành Công ty cùng với sự quyết tâm, chủ động sáng tạo vượt khó của các đơn vị trực thuộc. Năm 2021 dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng quản trị Công ty với từng nhiệm vụ chính trị cũng như các định hướng mục tiêu trong SXKD, TMB đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo kế hoạch điều hành của TKV, thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD, an toàn về tài chính, về con người và ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

| Số TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện 12 tháng 2021 | % TH so KH năm 2021 |
|----------|------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|---------------------|
| A | B | C | 2 | 3 | 5 |
| 1 | Các chỉ tiêu hiện vật | | | | |
| a | Than mua vào | Tấn | | 5.857.699 | |
| b | Than bán ra | Tấn | 6.000.000 | 6.584.599 | 110% |
| | Trong đó: Than tự doanh | Tấn | 2.000.000 | 2.039.027 | 102% |
| | Than giao lại TKV và Hộ lớn | Tấn | 4.000.000 | 4.545.572 | 114% |
| 2 | Doanh thu tổng số: | Tr. đồng | 10.552.792 | 11.028.902 | 105% |
| 3 | Giá trị sản xuất tính lương | " | 350.000 | 361.764 | 103% |
| 4 | Tổng lợi nhuận: | " | 54.000 | 78.136 | 145% |
| 5 | Cổ tức | % | 10,00 | 10,00 | 100% |
| 6 | Thu nhập bình quân | đ/người/tháng | 11.970.000 | 12.390.000 | 104% |

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Với sự chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo và các phòng ban chuyên môn của Công ty, cùng với sự quyết tâm, chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc, kết thúc năm 2021 TMB đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu đề ra, an toàn về tài chính và ổn định thu nhập cho người lao động.

Công ty đã cố gắng thực hiện năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể như sau: GTSX đạt 103% kế hoạch năm, GTSX tính lương đạt 103% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 78.136 triệu đồng đạt 145% kế hoạch năm, thu nhập bình quân tiền lương trích vào chi phí sản xuất trong kỳ đạt 12.909 nghìn đồng/người/tháng. Hàng tồn kho giảm so với đầu

năm 1.389.105 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 17.249 triệu đồng, nợ phải trả giảm 1.593.361 triệu đồng.

Công ty đã đẩy mạnh sản lượng, cố gắng tiết giảm chi phí và đã hoàn thành và vượt 145% kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận và đạt 100% ở chỉ tiêu tiền lương bình quân cho các cán bộ, công nhân viên.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Biến động về tài sản, nguồn vốn năm 2021:

Khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn:

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm/Year 2020 | Năm/Year 2021 | Ghi chú/Note |
|---|--------------------------|-------------------------|--------------|
| <p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt</p> | <p>1,07</p> <p>0,14</p> | <p>1,26</p> <p>0,22</p> | |
| <p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)</p> | <p>0,90</p> <p>12,74</p> | <p>0,72</p> <p>3,74</p> | |
| <p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:</p> | | | |

| | | | |
|--|--------|--------|--|
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) | 4,78 | 9,79 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>) | 4,28 | 10,91 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) | 0,46% | 0,55% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) | 25,97% | 33,58% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) | 1,96% | 6,05% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>) | 0,49% | 0,71% | |
| | | | |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Theo bảng biến động tài sản thì nợ phải trả giảm 1.593.361 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung làm tốt việc rút giảm hàng tồn kho, thu hồi công nợ để trả nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Công ty không có nợ phải trả xấu, không có chênh lệch tỷ giá và chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

Trong năm Công ty đổi mới về chính sách sản phẩm: Kinh doanh không phải là gì bán lấy, mà coi than mua từ Tập đoàn TKV mới chỉ là sản phẩm thô, còn sản phẩm bán cho khách hàng phải là sản phẩm “tinh”, đặc thù đã trải qua quá trình chế biến lại, đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả và phù hợp với công nghệ của từng khách hàng.

Do đó Công ty đã tập trung sáng kiến các phương pháp chế biến để tạo ra những sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng để đảm bảo khách hàng sử dụng tiết kiệm than hơn, giá thành rẻ hơn, đồng thời hiệu quả trên 1 tấn than bán ra của Công ty cũng được tăng lên, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future:*

Sở hữu một kênh phân phối, một mạng lưới các kho than bám sát khách hàng là một tài sản sinh lời quan trọng bậc nhất của Công ty. Mạng lưới này cho phép Công ty đáp ứng nhu cầu than kịp thời mọi lúc, mọi nơi cho khách hàng, làm cho khách hàng cảm thấy mạng lưới này như chính là kho than dự trữ thường xuyên của mình.

Do đó trong những năm tiếp theo Công ty phải tập trung tái cơ cấu mạng lưới bán than như sau:

- Tập trung đầu tư và hợp tác đầu tư mở rộng mạng lưới các kho than để bám sát khách hàng, đặc biệt là các khách hàng trọng điểm.

- Mua lại các kho than trọng điểm đang đi thuê và hợp tác đầu tư lâu dài với chủ các kho than để đảm bảo tính ổn định lâu dài về địa điểm bán than trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

- Báo cáo Tài chính của Công ty đã được Kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

- Công ty là đơn vị kinh doanh nên mức tiêu thụ năng lượng, nước, phát thải rất thấp như đã báo ở trên, vì vậy mức tác động đến các chỉ tiêu môi trường là gần như không đáng kể.

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

- Công ty đã thực tốt mọi chế độ đối với người lao động, tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về lao động, trong năm chưa có khiếu nại nào của người lao động.

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Mức độ đóng góp của doanh nghiệp đến địa phương còn hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở các khoản đóng góp nhỏ dưới 10 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Năm 2021 nền kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro, kinh tế trong nước còn khó khăn, sản xuất và kinh doanh than gặp nhiều thách thức. Nhận thức được những khó khăn và chủ động phát huy những thuận lợi, HĐQT Công ty đã tập trung quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, khai thác mọi nguồn lực, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Vì vậy, tình hình SXKD, tiêu thụ than của Công ty vẫn giữ được thế ổn định, các chỉ tiêu chính đạt kế hoạch đề ra.

- Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2021 cụ thể như sau:

| Số TT | Chi tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 12 tháng 2021 | % TH so KH năm 2021 |
|-------|------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|---------------------|
| A | B | C | 2 | 3 | 5 |
| 1 | Các chỉ tiêu hiện vật | | | | |
| a | Than mua vào | Tấn | | 5.857.699 | |
| b | Than bán ra | Tấn | 6.000.000 | 6.584.599 | 110% |
| | Trong đó: Than tự doanh | Tấn | 2.000.000 | 2.039.027 | 102% |
| | Than giao lại TKV | Tấn | 4.000.000 | 4.545.572 | 114% |
| 2 | Doanh thu tổng số | Triệu đồng | 10.552.792 | 11.028.902 | 105% |
| 3 | Giá trị sản xuất tính lương | Triệu đồng | 350.000 | 361.764 | 103% |
| 4 | Tổng lợi nhuận: | Triệu đồng | 54.000 | 78.136 | 145% |
| 5 | Đầu tư XDCB | Triệu đồng | 9.923 | 6.152 | 62% |
| 6 | Cổ tức | % | 10,00 | 10,00 | 100% |
| 7 | Thu nhập bình quân | Đồng/người/tháng | 12.909.664 | 12.909.664 | 100% |

* Tình hình tài chính của Công ty:

Tình hình tài chính của Công ty nói chung lành mạnh, cụ thể:

- Tổng số vốn chủ sở hữu cuối năm: 285,638 tỷ đồng, bằng 190 % vốn điều lệ.
- Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của Công ty năm 2021 thực hiện 1,14 lần so với cùng kỳ năm 2020. Hệ số > 1, cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 40,75%.

* Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021 là 6,152 tỷ đồng, đạt 62% kế

hoạch, vì một số dự án chưa hoàn thành và quyết toán trong năm 2021.

Các dự án dở dang và chưa triển khai được, Công ty đã có báo cáo TKV và được chấp thuận tiếp tục tổ chức thực hiện trong năm 2021.

* Đánh giá kết quả SXKD của Công ty năm 2021:

Năm qua, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chính (giá trị sản xuất; các chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập bình quân phải điều chỉnh). Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động khai thác những thế mạnh, phát huy tính tích cực, năng động trong kinh doanh và truyền thống của đơn vị, điều hành tiêu thụ hợp lý, hiệu quả, nhất là thực hiện hiệu quả công tác chế biến than.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban giám đốc triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và yêu cầu của HĐQT. Tổng giám đốc và bộ máy quản lý đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh đạt kế hoạch của Công ty năm 2021.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định; chỉ đạo triển khai thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc, nhằm đảm bảo SXKD của Công ty an toàn có hiệu quả, chánh rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Danh sách Hội đồng quản trị:

- Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT, người đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (TKV) tại Công ty, số cổ phần đại diện: 10.116.000 cổ phần, chiếm 67,44%.

- Ngô Quang Trung – Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 2.388 cổ phần, chiếm 0,016%.

- Nguyễn Minh Hải – Ủy viên kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 8.248 cổ phần, chiếm 0,055%.

- Vũ Hữu Long – Ủy viên kiêm trưởng phòng kế hoạch thị trường, số cổ phần sở hữu 10.000 cổ phần, chiếm 0,067%.

- Nguyễn Anh Chung – Ủy viên HĐQT tham gia từ 23/6/2020

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty chỉ đạo tập thể tất cả các hoạt động, không phân chia thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2021, HĐQT Công ty đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn.

HĐQT đã tổ chức họp định kỳ cũng như bất thường bằng nhiều hình thức tùy theo tình hình thực tế diễn biến của dịch bệnh để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến các mặt hoạt động SXKD. Các cuộc họp có chương trình cụ thể, đảm bảo số lượng thành viên dự họp và thủ tục biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý.

HĐQT đã tổ chức họp để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh; 12 tháng năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất, công tác tài chính, Công tác đầu tư xây dựng, Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và về các lĩnh vực khác. 12 tháng năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp và thông qua 30 nghị quyết cụ thể như sau: